

Bản án số 863/2023/HC-PT  
Ngày 29-11-2023  
V/v: khiếu kiện quyết  
định hành chính.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;  
Các Thẩm phán: bà Phan Thị Vân Hương;  
ông Nguyễn Văn Cường.

***- Thư ký phiên tòa:*** ông Phạm Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:*** ông Nguyễn Quang Hưng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 572/2023/TLPT-HC ngày 02 tháng 8 năm 2023 về khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án số 02/2023/HC-ST ngày 03-01-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13189/2023/QĐPT-HC ngày 14-11-2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

***1. Người khởi kiện:*** ông Đoàn Ngọc K sinh năm 1959 và bà Đàm Thị H sinh năm 1964; trú tại: ngách 1xx phố H, tổ dân phố x phường P, quận N, thành phố Hà Nội; có mặt.

***- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp:*** các Luật sư Hoàng Thị C và Nhâm Thị L - Văn phòng luật sư H, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

***2. Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân quận N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hà Nội; đề nghị xét xử vắng mặt.

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- UBND phường P, quận N, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Văn phòng công chứng M. Địa chỉ: số xx đường L, phường M, quận N, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội; - Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh N thành phố Hà Nội; đều vắng mặt.

- Chi cục thuế quận N; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Quang Đ sinh năm 1980; trú tại: số xxx tổ xx phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Bà Phạm Hương G sinh năm 1982; trú tại: số xx A, phường Q, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, bà G: ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1957, ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1984; trú tại: phòng xxx tầng xx tòa nhà L, số xxx phố K, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; có mặt.

- Ông Vũ Văn B sinh năm 1977; bà Nguyễn Thị L sinh năm 1983; trú tại: tổ dân phố Đ, phường Đ, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Ông Trần Nam T sinh năm 1976; trú tại: thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Người khởi kiện trình bày: ông K, bà H đề nghị hủy huỷ một phần Quyết định số 6418/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất cho ông Nguyễn Quang Đ và bà Phạm Hương G.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CB 46552 do Ủy ban nhân dân (UBND) quận N cấp ngày 05/10/2016 cho ông Nguyễn Quang Đ và bà Phạm Hương G.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 19247 ngày 09/4/2018 mang tên ông Vũ Văn B và bà Nguyễn Thị L do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp.

Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 265/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của Chủ tịch UBND quận N về giải quyết khiếu nại lần đầu.

Căn cứ yêu cầu hủy: ngày 03/12/2015 ông K, bà H chuyển nhượng 140 m<sup>2</sup> đất tại thửa số 255 tờ bản đồ số 06 đo vẽ năm 1998, địa chỉ số nhà xx tổ dân phố x phường P, quận N, thành phố Hà Nội cho ông Trần Nam T (có hợp đồng chuyển nhượng viết tay, không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền), ông bà không phải chuyển nhượng cho ông Nguyễn Quang Đ và bà Phạm Hương G. UBND quận N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đ, bà G diện tích là 143,2 m<sup>2</sup>, chênh 3,2 m<sup>2</sup> so với Hợp đồng chuyển nhượng là không đúng, ông K cho rằng ông không chuyển nhượng 3,2 m<sup>2</sup> và chữ ký trong hợp đồng chuyển nhượng không phải là chữ ký của ông. UBND quận N căn cứ vào “Giấy chuyển quyền sử dụng đất ngày 15/3/2016 giữa ông K với ông Đ về việc chuyển nhượng thêm 3,2 m<sup>2</sup> đất để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ, bà G diện tích 143,2 m<sup>2</sup> là không đúng. Ngoài ra, ông K, bà H đề nghị giám định chữ ký Đoàn Ngọc K (bên chuyển nhượng) trong “Giấy chuyển quyền sử dụng đất” ngày 15/3/2016 giữa ông K với ông Đ về việc

chuyển nhượng thêm 3,2 m<sup>2</sup> đất và chữ ký Đoàn Ngọc K (trong phần đại diện bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất) trong “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ngày 03/12/2007 giữa ông K với ông Trần Nam T.

Người bị kiện UBND quận N và Chủ tịch UBND quận N trình bày:

Về nguồn gốc đất: theo Bản đồ năm 1990, kèm Sổ mục kê, thuộc thửa đất số 395, tờ bản đồ số 08, diện tích 412 m<sup>2</sup>; loại đất: thổ cư (đã làm nhà 203 m<sup>2</sup>, còn lại 209 m<sup>2</sup> đất vườn), chủ sử dụng ghi: Đoàn Ngọc K. Bản đồ năm 1998: thuộc thửa đất số 255; tờ bản đồ số 06; diện tích: 412 m<sup>2</sup> (thời kỳ này không có sổ mục kê theo dõi).

Về việc cấp giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Quang Đ và bà Phạm Hương G. Giấy nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/03/2016 giữa ông Đoàn Ngọc K với ông Nguyễn Quang Đ với diện tích 3,3 m<sup>2</sup>. Các tài liệu trên đều có chữ ký của ông Đoàn Ngọc K thể hiện diện tích đất sau khi ông Nguyễn Quang Đ và bà Phạm Hương G nhận chuyển nhượng là 143,3 m<sup>2</sup>, tất cả đều là giấy tờ mua bán viết tay, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Phần diện tích đất ông Đoàn Ngọc K chuyển nhượng nay cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Quang Đ và bà Phạm Hương G có nguồn gốc là đất vườn trong cùng thửa đất có nhà ở.

Ngày 31/5/2016, ông Nguyễn Quang Đ và bà Phạm Hương G có đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với diện tích 166.2 m<sup>2</sup> (143.2 m<sup>2</sup> sử dụng riêng, 23.0 m<sup>2</sup> sử dụng chung) thuộc thửa đất số 255, tờ bản đồ số 6. Ngày 24/7/2016, UBND phường P tiến hành kiểm tra ranh giới, hiện trạng sử dụng đất của ông Nguyễn Quang Đ và bà Phạm Hương G đã ghi nhận diện tích hiện trạng ông Đ, bà G sử dụng riêng là 143.2 m<sup>2</sup>, sử dụng chung là 22,1 m<sup>2</sup>, có xác nhận của các chủ sử dụng đất liền kề, trong đó có ông Đoàn Ngọc K. Ngày 25/7/2016, UBND phường P đã có thông báo số 707/TB-UBND về việc công khai hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 02 trường hợp đang sử dụng đất tại phường P (trong đó có trường hợp của ông Nguyễn Quang Đ với diện tích 165.3 m<sup>2</sup> (trong đó có 143.2 m<sup>2</sup> đất ở và 22.1 m<sup>2</sup> đất sử dụng làm ngõ đi chung). Ngày 10/8/2016, UBND phường P đã có Tờ trình số 747/TTr-UBND đề nghị UBND quận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 02 trường hợp đang sử dụng đất tại phường P (trong đó có trường hợp của ông Nguyễn Quang Đ với diện tích 165.3 m<sup>2</sup>; gồm có 143.2 m<sup>2</sup> đất ở và 22.1 m<sup>2</sup> đất giao thông sử dụng chung).

Ngày 22/5/2018, UBND quận N nhận được đơn đề ngày 20/5/2018 của ông Đoàn Ngọc K ở địa chỉ số nhà 11, tổ dân phố số 5, phường P, quận N. Đơn có nội dung đề nghị UBND quận N xem xét việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 046552 cho ông Nguyễn Quang Đ đã bao gồm cả phần đất của gia đình ông.

Ngày 09/8/2018, UBND quận N có Văn bản số 1812/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của ông Đoàn Ngọc K. Ngày 18/9/2018, UBND quận N nhận được đơn của ông Đoàn Ngọc K khiếu nại Văn bản số 1812/UBND-TNMT ngày

09/8/2018 của UBND quận N về việc trả lời đơn của ông Đoàn Ngọc K tại phường P. Ngày 20/02/2019, UBND quận N có Văn bản số 265/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của các ông, bà: Đoàn Ngọc K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường P trình bày: ông Đoàn Ngọc K sử dụng thửa đất số 395, tờ bản đồ số 08 từ năm 1986. Theo Bản đồ năm 1990, kèm Sổ mục kê: thuộc thửa đất số 395, tờ bản đồ số 08, diện tích 412 m<sup>2</sup>; loại đất. Thổ cư (đã làm nhà 203 m<sup>2</sup>, còn lại 209 m<sup>2</sup> đất vườn), chủ sử dụng ghi: Đoàn Ngọc K, Bản đồ năm 1998: thuộc thửa đất số 255; tờ bản đồ số 06; 412 m<sup>2</sup> (thời kỳ này không có sổ mục kê theo dõi).

Ngày 03/12/2007, ông Đoàn Ngọc K chuyển nhượng 140 m<sup>2</sup> đất và tài sản gắn liền trên đất cho ông Trần Nam T, chỉ tại Thị trấn C, Hải Hậu, Nam Định. Ngày 26/12/2007, ông Trần Nam T chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất nêu trên cho ông Nguyễn Quang Đ. Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND quận N cấp đúng Luật đất đai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, bà G trình bày: ông Đ, bà G nhận chuyển nhượng từ ông Trần Nam T từ ngày 26/12/2007. Ngày 15/3/2016, ông Đoàn Ngọc K chuyển nhượng thêm 3,3 m<sup>2</sup> cho ông Nguyễn Quang Đ. Quá trình xin cấp GCNQSD đất của ông Đ, bà G đã được các cơ quan có thẩm quyền xem xét đầy đủ theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất có chữ ký của ông Đoàn Ngọc K. Quá trình công khai cấp GCNQSD đất cho ông Đ, bà G được UBND phường P niêm yết công khai, trong quá trình công khai hồ sơ cấp GCNQSD đất cho ông Đ, bà G không có bất kỳ một đơn thư khiếu nại nào liên quan đến việc đề nghị cấp GCNQSD đất cho ông Đ và bà G. UBND quận N cấp GCNQSD đất ngày 05/10/2016 cho ông Nguyễn Quang Đ và bà Phạm Hương G là đúng pháp luật. Do đó, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Ngọc K và bà Đàm Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND thành phố Hà Nội; Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội; Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh N, Chi cục thuế quận N, ông Trần Nam T đã cung cấp tài liệu nhưng không có quan điểm giải quyết vụ án.

Tại Bản án số 02/2023/HC-ST ngày 03-01-2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; áp dụng Điều 100 và Điều 105 Luật đất đai năm 2013; quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Ngọc K, bà Đàm Thị H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16-01-2023, người khởi kiện là ông Đoàn Ngọc K kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông K, bà H và Luật sư đề nghị chấp nhận kháng cáo hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện, lí do: không có việc ông K

chuyển nhượng 3,3 m<sup>2</sup> đất cho ông Đ và Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bà H.

UBND quận N đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, bà G đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có ý kiến, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các đương sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: ông K, bà H đề nghị tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyết định về giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND quận N là quyết định hành chính; việc khởi kiện bảo đảm thời hiệu theo quy định. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng.

Tại phiên tòa, vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng các đương sự này đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định.

[2]. Về nội dung

- Xét yêu cầu huỷ một phần Quyết định số 6418/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất cho ông Nguyễn Quang Đ và bà Phạm Hương G. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 046552 cấp ngày 05/10/2016 mang tên ông Nguyễn Quang Đ, bà Phạm Hương G và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 192407 ngày 11/4/2018 mang tên ông Vũ Văn B, bà Đoàn Thị L.

Về thẩm quyền, trình tự và nội dung ban hành quyết định: theo quy định của Luật đất đai năm 2013 quy định về thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thuộc UBND cấp quận, huyện. UBND quận N ban hành quyết định cấp giấy và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng thẩm quyền theo quy định.

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: theo Bản đồ năm 1990, kèm Sổ mục kê thể hiện là thửa đất số 395, tờ bản đồ số 08, diện tích 412 m<sup>2</sup>; loại đất: thổ cư (đã làm nhà 203 m<sup>2</sup>, còn lại 209 m<sup>2</sup> đất vườn), chủ sử dụng ghi: Đoàn Ngọc K. Bản đồ năm 1998: thuộc thửa đất số 255; tờ bản đồ số 06; diện tích: 412 m<sup>2</sup>.

Về việc cấp giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Quang Đ và bà Phạm Hương G. Hồ sơ, tài liệu gồm:

+ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Đoàn Ngọc K

chuyển nhượng 140 m<sup>2</sup> đất cho ông T ngày 03/12/2007.

+ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và ông Nguyễn Quang Đô ngày 26/12/2007.

+ Giấy nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/03/2016 giữa ông Đoàn Ngọc K với ông Nguyễn Quang Đô với diện tích 3,3 m<sup>2</sup>. Các tài liệu trên đều có chữ ký của ông Đoàn Ngọc K thể hiện diện tích đất sau khi ông Nguyễn Quang Đô và bà Phạm Hương G nhận chuyển nhượng là 143,3 m<sup>2</sup>, tất cả đều là giấy tờ mua bán viết tay, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Phần diện tích đất ông Đoàn Ngọc K chuyển nhượng nay cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Quang Đô và bà Phạm Hương G có nguồn gốc là đất vườn trong cùng thửa đất có nhà ở.

Ngày 31/5/2016, ông Nguyễn Quang Đ và bà Phạm Hương G có đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Ngày 24/7/2016, UBND phường P tiến hành kiểm tra ranh giới, hiện trạng sử dụng đất của ông Nguyễn Quang Đ và bà Phạm Hương G đã ghi nhận diện tích hiện trạng ông Đ, bà G sử dụng riêng là 143.2 m<sup>2</sup>, sử dụng chung là 22,1 m<sup>2</sup>, có xác nhận của các chủ sử dụng đất liền kề, trong đó có ông Đoàn Ngọc K. Ngày 25/7/2016, UBND phường P đã có thông báo số 707/TB-UBND về việc công khai hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 02 trường hợp đang sử dụng đất tại phường P (trong đó có trường hợp của ông Nguyễn Quang Đ với diện tích 165.3 m<sup>2</sup> (trong đó có 143.2 m<sup>2</sup> đất ở và 22.1 m<sup>2</sup> đất sử dụng làm ngõ đi chung).

Ông K cho rằng ông không ký giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất 3,3 m<sup>2</sup> ngày 15/3/2016 chuyển nhượng cho ông Đ, ông đề nghị giám định chữ ký. Tại Kết luận giám định số 271/KL-KTHS ngày 15/9/2022, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an đã kết luận “chữ ký, chữ viết đứng tên Đoàn Ngọc K dưới mục Bên chuyển nhượng trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, các chữ “Đoàn Ngọc K” dưới mục “Đại diện bên chuyển nhượng QSDĐ” trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Đoàn Ngọc K trên mẫu so sánh ký hiệu M do cùng một người ký, viết ra. Như vậy, có đủ cơ sở xác định ngày 15/3/2016 ông K đã ký giấy chuyển nhượng cho ông Đ diện tích 3,3 m<sup>2</sup> đất; trong khi đây là lí do khiếu nại chủ yếu của vợ chồng ông K.

Căn cứ khoản 10 Điều 21 Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội về công nhận quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận cho một số trường hợp sử dụng đất quy định: trường hợp người nhận chuyển quyền sử dụng đất hoặc nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở đã được sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004 mà chưa được cấp giấy chứng nhận, nhưng có giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/01/2008, có chữ ký của bên chuyển quyền (không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc chuyển quyền), thì không phải thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, người nhận chuyển quyền nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 29 Quy định này để được xét công nhận quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận theo quy định. Các trường hợp trên nếu được công nhận quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận

phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại Quy định này; trường hợp nhận chuyển nhượng từ ngày 01/7/1994 đến trước ngày 01/01/2008 còn phải nộp 01 lần thuế thu nhập cá nhân của lần chuyển nhượng cuối cùng (thay cho người chuyển quyền sử dụng đất), và lệ phí trước bạ theo quy định.

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp ông Nguyễn Quang Đ và bà Phạm Hương G sử dụng đất có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận. Do đó, ngày 22/9/2016, phòng Tài nguyên và Môi trường quận N đã có Tờ trình số 1052/TTr-TN&MT về việc công nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Quang Đ và bà Phạm Hương G, đến ngày 05/10/2016, UBND quận N đã ban hành Quyết định số 6418/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất cho ông Nguyễn Quang Đ và bà Phạm Hương G với tích 165.3 m<sup>2</sup> (trong đó có 143,2 m<sup>2</sup> đất ở sử dụng riêng, thời hạn sử dụng lâu dài, thuộc thửa đất số 472 và 22.1 m<sup>2</sup> đất giao thông sử dụng chung thuộc thửa đất số 255) là đúng theo quy định tại Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội. Ngày 29/3/2018, ông Đ, bà G đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất 472; 255 tờ bản đồ số 6 diện tích 165,3 m<sup>2</sup> (trong đó sử dụng riêng 143,2 m<sup>2</sup>, sử dụng chung 22,1 m<sup>2</sup>) tại phường P, quận N cho ông Bình, bà Lua theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 0980/2018 ngày 29/03/2018 tại Văn phòng Công chứng Mỹ Đình. Ngày 09/4/2018 Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 192407 mang tên ông Vũ Văn B, bà Đoàn Thị L là đúng quy định của pháp luật.

- Về yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 265/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của Chủ tịch UBND quận N

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: sau khi nhận đơn khiếu nại của ông K, người bị kiện đã tiến hành thụ lý đơn khiếu nại, tiến hành xác minh nội dung khiếu nại. Căn cứ vào kết quả xác minh, Chủ tịch UBND quận N đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011.

Về nội dung: ngày 22/5/2018, UBND quận N nhận được đơn đề ngày 20/5/2018 của ông Đoàn Ngọc K có nội dung đề nghị UBND quận N xem xét việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 046552 cho ông Nguyễn Quang Đ đã bao gồm cả phần đất của gia đình ông. Ngày 09/8/2018, UBND quận N có Văn bản số 1812/UBND -TNMT về việc trả lời đơn của ông Đoàn Ngọc K. Ngày 18/9/2018, UBND quận N nhận được đơn của ông Đoàn Ngọc K, bà Đàm Thị H, bà Đoàn Thị Loan khiếu nại Văn bản số 1812/UBND-TNMT ngày 09/8/2018 của UBND quận N về việc trả lời đơn của ông Đoàn Ngọc K. Ngày 20/02/2019, Chủ tịch UBND quận N có Văn bản số 265/UBND-TNMT trả lời đơn của các ông, bà Đoàn Ngọc K là có căn cứ, đúng pháp luật.

Với các lý do trên, xét thấy quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các đương sự là đúng pháp luật. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người

khởi kiện.

[3]. Về án phí: ông K là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải nộp án phí phúc thẩm.

*Bởi các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của ông Đoàn Ngọc K và giữ nguyên quyết định của Bản án số 02/2023/HC-ST ngày 03-01-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### ***Nơi nhận:***

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tp. Hà Nội;
- VKSND tp. Hà Nội;
- Cục THA dân sự tp. Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tất Nam**